

Số: /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Ao Zhi Polymers Việt Nam tại văn bản số 02/AZ đề ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án của công ty tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Ao Zhi Polymers Việt Nam (sau đây gọi là chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bảng khuếch tán màn hình tivi với quy mô 6.000 tấn sản phẩm/năm, Sản xuất các loại tấm dẫn sáng bằng nhựa với quy mô 15.000 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất các loại tấm quang học bằng nhựa quy mô 4.500 tấn sản phẩm/năm” tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất bảng khuếch tán màn hình tivi với quy mô 6.000 tấn sản phẩm/năm, Sản xuất các loại tấm dẫn sáng bằng nhựa với quy mô 15.000 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất các loại tấm quang học bằng nhựa quy mô 4.500 tấn sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động:

+ Địa điểm thứ nhất: Đường số 10, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; thuê nhà xưởng với diện tích 2.730 m² của Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Việt Hoàng.

+ Địa điểm thứ hai: Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; thuê nhà xưởng với diện tích 4.212 m² của Công ty TNHH Thương mại Thái Phong.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3603702759 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2020 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 4386098435, chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2019, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 14 tháng 11 năm 2024 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603702759.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bảng khuếch tán màn hình tivi, sản xuất các loại tấm dẫn sáng, sản xuất các loại tấm quang học bằng nhựa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi:

+ Địa điểm thứ nhất: Diện tích nhà xưởng 2.730 m² (thuê nhà xưởng số 6 của Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Việt Hoàng theo Hợp đồng cho thuê xưởng số 04/2020/HĐTX-VH ngày 20 tháng 01 năm 2020).

+ Địa điểm thứ hai: Diện tích nhà xưởng 4.212 m² (thuê một phần nhà xưởng 2 của Công ty TNHH Thương mại Thái Phong theo Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 02/2024/HĐCTNX-TPC ngày 01 tháng 3 năm 2024).

- Tiêu chí về môi trường: Dự án nhóm II.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất bảng khuếch tán màn hình tivi với quy mô 6.000 tấn sản phẩm/năm, Sản xuất các loại tấm dẫn sáng bằng nhựa với quy mô 15.000 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất các loại tấm quang học bằng nhựa quy mô 4.500 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất bảng khuếch tán màn hình tivi (địa điểm 1) : Nguyên liệu → Nạp liệu & trộn → Nạp liệu vào máy đùn nhựa → Gia nhiệt nóng chảy nhựa → Đùn ép nhựa → Chờ nguội → Cắt → Tạo hình → Làm sạch, kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

* Quy trình tái sử dụng sản phẩm nhựa (địa điểm 1): Sản phẩm nhựa bị lỗi → Nghiền → Rửa → Để khô → Lưu kho → Tái sử dụng.

- Quy trình sản xuất tấm dẫn sáng bằng nhựa (địa điểm 2): Nguyên liệu → Đưa hạt nhựa vào phễu → Hạt nhựa được đun nóng nhiệt → Đùn vào khuôn → Ép ra tấm → Chờ nguội → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

- Quy trình sản xuất tấm quang học bằng nhựa (địa điểm 2): Nguyên liệu → Cắt → Kiểm tra → Đóng gói trong → Đóng gói ngoài → Bảo quản kho → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035).

Giấy phép môi trường số 13/GPMT-KCNĐN ngày 10 tháng 10 năm 2022 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp cho dự án “Nhà máy sản xuất bảng khuếch tán màn hình tivi quy mô 6.000 tấn sản phẩm/năm” tại đường số 10, KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Ao Zhi Polymers Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, MT (AD).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Tại địa điểm thứ 1:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, lao động của dự án (phát sinh từ các khu vực nhà văn phòng, nhà vệ sinh công nhân) được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Việt Hoàng (Đơn vị cho thuê nhà xưởng) và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh văn phòng, nhà xưởng của địa điểm thứ 1 được thu gom đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Việt Hoàng (Đơn vị cho thuê nhà xưởng) và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình rửa nhựa sau công đoạn nghiền của địa điểm thứ 1 được lưu trong bể chứa, sau đó được bàn giao cho đơn vị có chức năng dưới dạng chất thải nguy hại. Dự án không xả lượng nước thải này ra hệ thống thu gom nước thải của khu vực cho thuê nhà xưởng, cũng như KCN Nhơn Trạch I.

+ Chủ dự án đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 30/HĐ-CT ngày 29 tháng 04 năm 2020, phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải số 30/HĐ-CT/PL-01 ngày 28/3/2025 với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO (là đơn vị quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I).

- Tại địa điểm thứ 2:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, lao động của dự án (phát sinh từ các khu vực nhà văn phòng, nhà vệ sinh công nhân) được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH Thương Mại Thái Phong (Đơn vị cho thuê nhà xưởng) và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh văn phòng, nhà xưởng của địa điểm thứ 2 được thu gom đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH Thương Mại Thái Phong (Đơn vị cho thuê nhà xưởng) và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

+ Chủ dự án đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 30/HĐ-CT ngày 29 tháng 04 năm 2020, phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải số 30/HĐ-CT/PL-01 ngày

28/3/2025 với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO (là đơn vị quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

- Chủ dự án không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Địa điểm thứ 1:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên địa điểm thứ 1 lưu lượng $5,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom đưa qua bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải khu nhà xưởng cho thuê, sau đó thoát vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ quá trình vệ sinh văn phòng, nhà xưởng của địa điểm thứ 1 lưu lượng $0,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải khu nhà xưởng cho thuê, sau đó thoát vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

+ Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa nhựa sau công đoạn nghiền của địa điểm thứ 1 lưu lượng $0,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được lưu trong bể chứa, sau đó được bàn giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý với tần suất 1 tuần/lần. Dự án không xả lượng nước thải này ra hệ thống thu gom nước thải của khu vực cho thuê nhà xưởng, cũng như Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

- Địa điểm thứ 2:

+ Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên địa điểm thứ 2 lưu lượng $2,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom đưa qua bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải khu nhà xưởng cho thuê, sau đó thoát vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

+ Nguồn số 5: Nước thải từ quá trình vệ sinh văn phòng, nhà xưởng của địa điểm thứ 2 lưu lượng $0,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải khu nhà xưởng cho thuê, sau đó thoát vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

- Vị trí đầu nối nước thải:

- Địa điểm thứ 1:

+ Vị trí: 01 hố ga trên đường nội bộ khu nhà xưởng cho thuê.

+ Tọa độ vị trí: X = 1.188.732, Y = 410.243.

- Địa điểm thứ 2:

+ Vị trí: 01 hố ga trên đường nội bộ khu nhà xưởng cho thuê.

+ Tọa độ vị trí: X = 1.188.251; Y = 410.185

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Sơ lược quy trình thu gom, xử lý nước thải: *Nước thải sinh hoạt* → *Bể tự hoại 3 ngăn* → *01 hố ga riêng biệt trên đường nội bộ khu nhà xưởng cho thuê* → *Đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải của Đơn vị cho thuê nhà xưởng.*

- Công suất thiết kế:

+ Địa điểm thứ 1: 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 35 m^3 .

+ Địa điểm thứ 2: 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 15 m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom nước thải tập trung của nhà xưởng cho thuê, trước khi đầu nối về Khu công nghiệp Nhơn Trạch I để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Địa điểm thứ 1:

- + Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn tạo hình.
- + Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn cắt.
- + Nguồn số 03: Khí thải từ phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa.

- Địa điểm thứ 2:

- + Nguồn số 04: Khí thải từ phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Địa điểm thứ 1:

+ Dòng khí thải số 01: Tương ứng với 01 ống thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.188.694; Y = 410.246.

- Địa điểm thứ 2:

+ Dòng khí thải số 02: Tương ứng với 01 ống thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa (nguồn số 04). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.188.485; Y = 410.274.

(Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Địa điểm thứ 1:

+ Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.000 m³/giờ.

- Địa điểm thứ 2:

+ Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 16.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p = 0,9, K_v = 0,8 và QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
I	Dòng khí thải số 01, 02			
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	Styren	mg/Nm ³	100	

Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K_v =

0,9 và $K_p = 0,8$).

(2) Chủ dự án vẫn phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Địa điểm thứ 1:

- Bụi phát sinh từ công đoạn cắt được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 11.000 m³/giờ bằng đường ống thép có đường kính là Φ400mm.

- Bụi phát sinh từ công đoạn tạo hình được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 11.000 m³/giờ bằng đường ống thép có đường kính là Φ400mm.

- Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 11.000 m³/giờ bằng đường ống thép có đường kính là Φ400mm.

- Địa điểm thứ 2:

- Khí phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 16.000 m³/giờ bằng đường ống thép có đường kính là Φ400mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi đối với nguồn số 01, 02

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Bụi* → *Chụp hút* → *Lọc bụi túi vải* → *Khí sạch thoát qua bề mặt túi vải*.

- Công suất thiết kế: 11.000 m³/giờ/ hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ nguồn số 03.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Khí thải (hơi nhựa)* → *Chụp hút* → *Đường ống dẫn khí* → *Tháp hấp thụ* → *Quạt hút* → *Ống thoát khí sạch* → *Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường*.

- Công suất thiết kế: 11.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.3. Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ nguồn số 04.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Khí thải* → *Chụp hút* → *Ống dẫn* → *Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính* → *Quạt hút* → *Ống thoát khí sạch* → *Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường*.

- Công suất thiết kế: 16.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

01 Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa địa điểm thứ 2, công suất thiết kế 16.000 m³/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A 2.2.2 Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 đã được sửa đổi bổ sung tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm
2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Địa điểm thứ 1:

- + Nguồn số 01: Máy trộn số 01.
- + Nguồn số 02: Máy trộn số 02.
- + Nguồn số 03: Máy đùn ép nhựa số 01.
- + Nguồn số 04: Máy đùn ép nhựa số 02.
- + Nguồn số 05: Máy tạo hình số 01.
- + Nguồn số 06: Máy tạo hình số 02.
- + Nguồn số 07: Máy cắt.
- + Nguồn số 08: Máy nghiền nhựa.
- + Nguồn số 09: Hệ thống lọc bụi túi vải máy tạo hình.
- + Nguồn số 10: Hệ thống lọc bụi túi vải máy cắt.
- + Nguồn số 11: Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa.

- Địa điểm thứ 2:

- + Nguồn số 12: Máy cắt tấm quang học.
- + Nguồn số 13: Máy đùn ép nhựa số 01.
- + Nguồn số 14: Máy đùn ép nhựa số 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Địa điểm thứ 1:

- + Nguồn số 01: Máy trộn số 01. Tọa độ X= 1.188.708; Y = 410.238.
- + Nguồn số 02: Máy trộn số 02. Tọa độ X= 1.188.709; Y = 410.245.
- + Nguồn số 03: Máy đùn ép nhựa số 01. Tọa độ X= 1.188.701; Y = 410.242.
- + Nguồn số 04: Máy đùn ép nhựa số 02. Tọa độ X = 1.188.702; Y = 410.246.
- + Nguồn số 05: Máy tạo hình số 01. Tọa độ X = 1.188.661; Y = 410.275.
- + Nguồn số 06: Máy tạo hình số 02. Tọa độ X = 1.188.661; Y = 410.277.
- + Nguồn số 07: Máy cắt. Tọa độ X = 1.188.662; Y = 410.267.
- + Nguồn số 08: Máy nghiền nhựa. Tọa độ X = 1.188.651; Y = 410.276.
- + Nguồn số 09: Hệ thống lọc bụi túi vải máy tạo hình. Tọa độ X = 1.188.661; Y = 410.276.
- + Nguồn số 10: Hệ thống lọc bụi túi vải máy cắt. Tọa độ X = 1.188.663; Y = 410.267.
- + Nguồn số 11: Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa. Tọa độ X = 1.188.694; Y = 410.246.

- Địa điểm thứ 2:

+ Nguồn số 12: Máy cắt tấm quang học. Tọa độ X= 1.188.318; Y = 410.706.

+ Nguồn số 13: Máy đùn ép nhựa số 01. Tọa độ X= 1.188.248; Y = 410.852.

+ Nguồn số 14: Máy đùn ép nhựa số 02. Tọa độ X= 1.188.323; Y = 410.658.

(Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm
2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng phát sinh (kg /năm)	
					Địa điểm thứ 1	Địa điểm thứ 2
1	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	25	30
2	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	10	15
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	15	20
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	300	800
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	300	600
6	Bao bì kim loại cứng thải	Bùn	18 01 02	KS	500	600
7	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	KS	500	600
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	Lỏng	17 02 03	NH	150	150
9	Xốp than hoạt tính thải	Rắn	12 01 04	NH	10	8
10	Nước thải có chứa các thành phần nguy hại	Lỏng	19 10 01	KS	150.000	0
Tổng khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)					151.810	2.823

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	
					Địa điểm thứ 1	Địa điểm thứ 2
1	Mảnh nhựa, bột nhựa thải	Rắn	03 02 12	TT – R	30.000	200.000
2	Màng PF thải	Rắn	18 01 06	TT – R	400	700
3	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT – R	600	1.300
4	Hộp mực in văn phòng	Rắn	08 03 18	TT	2	3
5	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	12 06 13	TT	300	150
Tổng khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)					31.302	202.153

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

TT	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	
		Địa điểm thứ 1	Địa điểm thứ 2
1	Nhóm thực phẩm	10	4
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	0,92	0,68
TỔNG KHỐI LƯỢNG		10,92	4,68

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa:

+ Địa điểm thứ 1: diện tích 8 m². Bố trí trong khu vực nhà xưởng.

+ Địa điểm thứ 2: diện tích 20 m². Bố trí trong khu vực nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa:

+ Địa điểm thứ 1: diện tích 12 m². Bố trí trong khu vực nhà xưởng.

+ Địa điểm thứ 2: diện tích 20 m². Bố trí trong khu vực nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che, nền chống thấm.

- Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Địa điểm thứ 1: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt được bố trí bên ngoài nhà xưởng, mỗi vị trí bố trí 02 thùng 240 lít (1 thùng chất thải thực phẩm, 1 thùng chất thải sinh hoạt khác) ở những vị trí dễ tiếp cận nhưng ở những góc khuất tầm nhìn hoặc khu vực không có giá trị về cảnh quan.

+ Địa điểm thứ 2: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt được bố trí bên ngoài nhà xưởng, mỗi vị trí bố trí 02 thùng 240 lít (1 thùng chất thải thực phẩm, 1 thùng chất thải sinh hoạt khác) ở những vị trí dễ tiếp cận nhưng ở những góc khuất tầm nhìn hoặc khu vực không có giá trị về cảnh quan.

2.3.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Địa điểm thứ 1: Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, có thể tích 600 lít để chứa chất thải rắn sinh hoạt trước khi giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

+ Địa điểm thứ 2:

- Diện tích 10 m². Bố trí trong khu vực nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che, nền chống thấm.

- Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

- Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, có thể tích 600 lít để chứa chất thải rắn sinh hoạt trước khi giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-KCNDN ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải

chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Giấy phép môi trường này được cấp theo quy định chuyên tiếp của Điều 5 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Điều 4 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI